

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 121/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025. Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sáp nhập) ban hành Quy chế phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; tổ chức đại diện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa

bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai;
- Lãnh đạo VP + CV VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, C3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Quế

QUY CHẾ

Phối hợp về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, hình thức và nội dung phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
3. Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Gia Lai; các hiệp hội, hội có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là tổ chức đại diện cho doanh nghiệp).
4. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (viết tắt là doanh nghiệp).
5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, thiết thực Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, công khai, minh bạch, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp; bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực; định hướng cho các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã; hạn chế rủi ro, vướng mắc pháp lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; thúc đẩy sự tham gia xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật kịp thời nhằm phục vụ doanh nghiệp phát triển, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

3. Đảm bảo thực hiện kịp thời và thiết thực trên cơ sở nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Qua hoạt động hỗ trợ pháp lý, nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, từ đó góp phần giúp

doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, giảm chi phí tuân thủ pháp luật và nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật, chỉ số năng lực cạnh tranh (chỉ số CPI) cấp tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, đơn vị phối hợp.

2. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp quy định tại Quy chế này được thực hiện đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, không phân biệt hình thức sở hữu, lĩnh vực hoạt động.

3. Phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thực hiện thường xuyên, kịp thời và có trọng tâm, trọng điểm theo từng thời kỳ và được xác định cụ thể tại Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hằng năm và 05 năm của tỉnh. Chú trọng và quan tâm việc hỗ trợ pháp lý đối với các lĩnh vực pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tiếp cận thủ tục hành chính trong đăng ký kinh doanh, thuế; pháp luật về lao động, bảo hiểm trong quá trình doanh nghiệp tiếp cận đến nguồn lực về đất đai, nguồn vốn, khoa học và công nghệ.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP VỀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP

Điều 5. Phối hợp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong xây dựng và khai thác Cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp

1. Các sở, ban, ngành duy trì, cập nhật hệ thống danh mục Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để đăng tải trên Trang/Cổng thông tin điện tử của sở, ban, ngành (trừ văn bản thuộc danh mục bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật).

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (trừ văn bản thuộc Danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật).

3. Doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng miễn phí thông tin đăng tải trên Trang/Cổng thông tin điện tử được nêu tại khoản 1, 2 Điều này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực thi hành mà chưa được đăng tải trên Trang/Cổng thông tin điện tử của các sở, ban, ngành hoặc của Ủy ban nhân dân tỉnh thì doanh nghiệp có quyền đề nghị các cơ quan có liên quan kịp thời cập nhật và cung cấp văn bản đó theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13.

Điều 6. Phối hợp trong xây dựng Cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc

pháp lý

1. Nội dung xây dựng Cơ sở dữ liệu

a) Các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp có hiệu lực thi hành và được phép công khai hoặc kết nối với Cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này;

b) Các văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan tại Điều 9 Quy chế này trong giải đáp chung về pháp luật.

2. Trách nhiệm thực hiện

a) Các sở, ban, ngành có trách nhiệm cập nhật vụ việc, vướng mắc pháp lý do đơn vị tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) quyết định (hoặc trả lời) theo thẩm quyền hoặc trực tiếp trả lời vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Điều 9 Quy chế này lên Trang/Cổng thông tin điện tử của đơn vị và gửi 01 bản về Sở Tư pháp để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp, tại chuyên mục “Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp”;

b) Đối với các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh thực hiện theo Điều 19 Quy chế này.

3. Doanh nghiệp được khai thác và sử dụng miễn phí Cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý.

Điều 7. Phối hợp về xây dựng tài liệu và tổ chức phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật

1. Các sở, ban, ngành xây dựng tài liệu và tổ chức phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật cho doanh nghiệp phải đảm bảo:

a) Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành còn hiệu lực thi hành;

b) Các tài liệu liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;

c) Việc tổ chức hội nghị, hội thảo để giới thiệu, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật không trùng lặp về nội dung, thời gian tổ chức; chú trọng đến các đối tượng cần hỗ trợ pháp lý kịp thời, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Sở Tư pháp chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan để thực hiện các nội dung tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Phối hợp bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp

1. Đối tượng bồi dưỡng kiến thức pháp luật

Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp; người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Nguyên tắc

a) Căn cứ nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nguồn lực đảm bảo thực

hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã; Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và kế hoạch ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Sự phối hợp của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp;

c) Nội dung bồi dưỡng kiến thức pháp luật thiết thực, liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp;

d) Người thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp là người có kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn sâu để trình bày và trao đổi, thảo luận, giải đáp kịp thời vướng mắc của doanh nghiệp trong thi hành pháp luật.

3. Trách nhiệm phối hợp

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp phối hợp với Sở Tư pháp trong việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật, biên soạn tài liệu bồi dưỡng kiến thức pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do đơn vị quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Điều 9. Phối hợp giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có quyền yêu cầu các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã giải đáp vướng mắc pháp luật về áp dụng pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời yêu cầu giải đáp pháp luật của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành do mình quản lý trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày doanh nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan đến yêu cầu giải đáp pháp luật); trường hợp nội dung phức tạp hoặc liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước ở nhiều ngành, nhiều lĩnh vực thì thời hạn trả lời là 30 ngày làm việc. Trường hợp yêu cầu giải đáp pháp luật không liên quan đến phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý thì các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi đề nghị giải đáp pháp luật đến cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó để giải đáp; đồng thời, thông báo cho doanh nghiệp về việc không tiếp nhận yêu cầu giải đáp và nêu rõ lý do.

3. Việc giải đáp pháp luật được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

- a) Giải đáp bằng văn bản;
- b) Trực tiếp thông qua hội nghị, hội thảo;
- c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

4. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã được đề nghị phối hợp giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp có trách nhiệm:

- a) Giải đáp các nội dung theo đề nghị;
- b) Trực tiếp giải đáp pháp luật khi có đề nghị của cơ quan chủ trì tại các hội

ngợi, hội thảo;

c) Phản ánh kịp thời vấn đề phát sinh để cơ quan chủ trì chủ động giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp.

Điều 10. Phối hợp giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật của doanh nghiệp

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm: Chủ trì, hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật của doanh nghiệp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; công khai kết quả hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật của doanh nghiệp lên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm: Trên cơ sở đề xuất của Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan, Sở Tài chính căn cứ khả năng ngân sách tỉnh, rà soát, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: Cung cấp thông tin liên quan, phối hợp với Sở Tư pháp trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật của doanh nghiệp khi có yêu cầu.

Điều 11. Phối hợp tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện pháp luật

1. Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp: Tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của hội viên thuộc tổ chức hội về hoàn thiện pháp luật, gửi các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước để tổng hợp.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và thông báo kết quả tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp;

b) Phân loại, tổng hợp kết quả tiếp nhận, xử lý những kiến nghị của doanh nghiệp về hoàn thiện quy định pháp luật, gửi đến Sở Tư pháp trên cơ sở lồng ghép vào Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật hằng năm của đơn vị.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh từ các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã; tổ chức đại diện cho doanh nghiệp được nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Phối hợp với cơ quan có liên quan để xử lý theo quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 12. Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm:

a) Thông báo về kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của đơn vị mình đến Sở Tư pháp;

b) Cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do cơ quan chuyên ngành Trung ương ban hành để Sở Tư pháp kịp thời tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hằng năm của tỉnh.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận thông tin về kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp từ các sở, ban, ngành có liên quan;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành để thực hiện kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

c) Chủ trì tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Điều 13. Phối hợp khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Khi cơ quan chủ trì khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, các sở, ban, ngành có liên quan có trách nhiệm:

1. Tham gia đoàn khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

2. Thực hiện góp ý và hoàn chỉnh phiếu khảo sát.

3. Tổng hợp, đánh giá, phân tích kết quả khảo sát.

4. Báo cáo kết quả khảo sát.

Điều 14. Phối hợp kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Sở Tư pháp phối hợp với cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

a) Chất lượng, đối tượng thụ hưởng của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp;

b) Việc thực hiện trình tự, thủ tục, nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; việc tiếp thu, phản hồi ý kiến phản ánh của doanh nghiệp về kết quả thực hiện hoạt động này;

c) Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Điều 15. Phối hợp đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật Cơ sở dữ liệu về pháp luật, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động đối với đối tượng được hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá tại mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên

Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình.

2. Việc tổng hợp ý kiến phản hồi của doanh nghiệp thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý là cơ sở đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

3. Định kỳ hằng năm, 05 năm, Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp kết quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

1. Chủ động nắm bắt nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp và tổ chức các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao quản lý nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiếp cận hỗ trợ pháp lý.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan khác có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; phối hợp với các bộ, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường triển khai các giải pháp hỗ trợ pháp lý, trong đó có hỗ trợ pháp lý về giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi kế hoạch, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ động thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Đoàn Luật sư tỉnh

1. Chủ trì, tham gia xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp là hội viên trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; huy động các nguồn lực để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là thành viên.

3. Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tham gia đánh giá Cơ sở dữ liệu về pháp luật và chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

4. Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

5. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Liên minh Hợp

tác xã tỉnh và Đoàn Luật sư tỉnh tham gia phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Phối hợp với các cơ quan nhà nước và tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP và Quy chế này.

2. Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định có liên quan, trình tự, thủ tục để thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP.

3. Chủ động đề xuất với cơ quan có thẩm quyền về nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, phục vụ hoạt động kinh doanh của mình.

Điều 19. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, các Trung tâm Trọng tài thương mại và cơ quan xử lý vụ việc cạnh tranh

Phối hợp cung cấp và chia sẻ các bản án, quyết định liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai theo quy định Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án; quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp có hiệu lực thi hành và được phép công khai.

Điều 20. Kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư số 64/2021/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành; các nguồn kinh phí bảo đảm hợp pháp khác (nếu có).

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Quy chế này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh vướng mắc, bất cập, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để tổng hợp, giải quyết./.